

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010

Hà nội, tháng 3 năm 2011

I. THÔNG ĐIỆP NĂM 2011 CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

(Ông, Lê Liệu – Chủ tịch HĐQT công ty)

Năm 2010 đã trôi qua, một năm mà chúng ta đã chứng kiến có rất nhiều sự kiện đáng ghi nhớ, đặc biệt là dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế thế giới sau thời kỳ khủng hoảng tài chính và sự suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng những tác động của nó đã ảnh hưởng sâu rộng, trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Thị trường tài chính, tiền tệ tuy có các chính sách ưu đãi, cởi mở hơn nhưng nhìn chung các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn trong việc tiếp xúc với các nguồn vốn. Sự biến động của thị trường đã ảnh hưởng bất lợi tới sự phát triển của công ty. Nhưng bằng sự nỗ lực, sáng tạo và đầy trách nhiệm của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn, đã và đang phát triển mạnh mẽ về mọi mặt trên con đường trở thành một công ty tư vấn hàng đầu – hoạt động và kinh doanh chủ lực trong lĩnh vực tư vấn các công trình xây dựng năng lượng, dân dụng và công nghiệp, tham gia đầu tư các công trình dân dụng; được khách hàng và các đối tác tin nhiệm, xã hội thừa nhận. Trong những năm vừa qua PVPE đã từng bước khẳng định thương hiệu uy tín chất lượng trên toàn thị trường Việt Nam. Với hệ thống quản lý theo quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã nâng cao tính chuyên nghiệp hoá và tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đây cũng chính là động lực để PVPE tham gia và khẳng định vị thế của mình trên thị trường khu vực và thế giới.

Với mục tiêu đề ra trong năm 2011, Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam sẽ tập trung đẩy mạnh công tác tư vấn các dự án mới, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực hiện tại; đồng thời rà soát, lập kế hoạch triển khai tư vấn các dự án, công trình đang thực hiện của các đơn vị. Công ty tăng cường chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng từng dự án, công trình, tập trung đối với các dự án, các công trình trọng điểm trong kế hoạch phát triển, các công trình, dự án lớn mang tính quyết định đến doanh thu, sản lượng của công ty, đồng thời tăng cường và củng cố lĩnh vực truyền thông và là thế mạnh của Công ty là tư vấn xây dựng năng lượng điện, trong thời gian qua đã có những phát triển vượt bậc về cả chiều rộng và chiều sâu, chúng tôi đã và đang làm hài lòng các đối tác, nhà thầu chính và Chủ đầu tư của những dự án lớn như: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; Nhà máy Thủy điện Luang Prabang – Lào, Thủy điện Hòa Na – Nghệ An, Thủy điện Ngòi Hút 2 – Yên

Bái, Thủy điện Nậm Pàn 5 – Sơn La, Thủy điện Nậm Chà 3 – Sơn La; Khu liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa;...

Bước sang năm 2011, nhận thức tình hình kinh tế trong nước và quốc tế diễn biến còn nhiều khó khăn, công ty vẫn quyết tâm đạt mục tiêu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Công ty sẽ tiếp tục cân đối các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính, đổi mới các phương thức thực hiện nhằm tối ưu hóa các nguồn vốn của Công ty, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa ở lĩnh vực kinh doanh chính là tư vấn xây dựng các công trình năng lượng điện, dân dụng và công nghiệp, tham gia lĩnh vực đầu tư, hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với tình hình mới, tiến tới đưa Công ty trở thành một đơn vị tư vấn hàng đầu Việt Nam có uy tín trong khu vực vào năm 2015. HĐQT công ty xác định mục tiêu dài hạn nâng cao thương hiệu, chiếm lĩnh thị trường tư vấn các công trình năng lượng điện trong nước và từng bước mở rộng thị trường nước ngoài. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đồng thời với sự hỗ trợ và hợp tác của các đối tác chiến lược, của các cổ đông, với cơ cấu dịch vụ ngày càng đa dạng PVPE sẽ tiếp tục khẳng định được vị thế của mình trên thị trường Việt Nam và khu vực. Đồng thời, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới sự tin tưởng của các Quý cổ đông, sự năng động, sáng tạo của Ban Điều hành và đặc biệt là sự tận tâm, năng nổ của tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã đoàn kết, nhất trí để đưa PVPE tiến lên một tầm cao mới.

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

- Tên công ty: **Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**
- Tên Tiếng Anh: **PetroVietnam Power Engineering Consulting Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **PVPOWER ENGINEERING., JSC**
- Địa chỉ: 198 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội

- Vốn điều lệ đăng ký:

+ Khi thành lập: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

+ Hiện tại: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

⊥ Ngành nghề kinh doanh:

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103020312 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007, đăng ký thay đổi lần 2 số 0103020312 ngày 10/06/2009 với các ngành nghề kinh doanh sau:

- *Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh);*
- *Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dung năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh);*
- *Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;*
- *Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng;*
- *Tư vấn vận hành, bảo dưỡng, nâng cấp các nhà máy điện;*
- *Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM);*
- *Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;*
- *Thiết kế công trình cầu, đường bộ;*
- *Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;*
- *Thiết kế công trình trên sông;*
- *Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện;*
- *Thiết kế xây dựng công trình điện;*
- *Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ;*
- *Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV;*

- *Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước môi trường;*
- *Khảo sát địa chất công trình;*
- *Khảo sát trắc địa công trình;*
- *Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình;*
- *Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực: xây dựng và hoàn thiện;*
- *Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;*
- *Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp;*
- *Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật;*
- *Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;*
- *Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện;*
- *Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện;*
- *Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;*
- *Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;*

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

⊕ Quá trình hình thành:

- Trước những yêu cầu của thực tế khách quan, với mong muốn có một đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, tư vấn vận hành, thiết kế kết cấu công trình...PVN và PV Power đã xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận nhiệm vụ này.
- Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đã họp và thông qua Đề cương thành lập mới các Công ty cổ phần

trong đó phương án thành lập Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam. Ngày 31/10/2007, PVPower Engineering được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312, đánh dấu sự ra đời của Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam. Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập với số vốn điều lệ là: 20.000.000.000 đồng với sự tham gia góp vốn của các cổ đông sáng lập gồm:

1. Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, góp vốn: 51% vốn điều lệ;
2. Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2, góp 20% vốn điều lệ;
3. Công ty Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam, vốn góp: 11% vốn điều lệ

✦ **Quá trình phát triển.**

Trải qua quá trình 3 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam tặng thưởng nhiều bằng khen cho tập thể và các cá nhân trong Công ty.

2. **Định hướng phát triển của Công ty**

2.1 **Quan điểm phát triển**

Đột phá phát triển, đi tắt đón đầu, tranh thủ thời cơ, liên danh liên kết, xây dựng lực lượng, phát triển thương hiệu.

2.2. **Mục tiêu phát triển**

✦ **Mục tiêu tổng quát**

- Xây dựng PVPower Engineering trở thành một Công ty Tư vấn mạnh, phạm vi rộng khắp trên cả nước. Đến năm 2012 đạt ngang bằng các Công ty Tư vấn mạnh trong nước; đến năm 2025 cạnh tranh được với các Công ty Tư vấn trong khu vực.

✦ **Các chỉ tiêu tăng trưởng**

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là: (12%-15%)/năm
- Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016 – 2020 từ (13%-18%) /năm
- Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2021 – 2025 từ (15%-20%)/năm

✦ **Mục tiêu cụ thể**

- Thu hút đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực tư vấn thiết kế điện, tranh thủ sự hỗ trợ của PVN, PV Power, nhằm chủ động hoàn toàn công việc tư vấn thiết kế các dự án điện, trọng tâm là các dự án về thủy điện, nhiệt điện than mà PVN, PV Power đang đầu tư. Đặc biệt là dự án phong điện là loại dự án năng lượng tái tạo mới, ngoài ra xem xét, nghiên cứu các dự án năng lượng địa nhiệt và nguồn năng lượng khác
- Bảo toàn vốn, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.
- Từ năm 2011:
 - + Được cấp giấy phép hoạt động điện lực cho thiết kế công trình thủy điện đến 600MW, đường dây tải điện đến 220kV; tư vấn giám sát công trình thủy điện đến 300MW, và đường dây tải điện đến 110KV.
 - + Đảm nhận hoàn toàn công tác lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công các dự án thủy điện lớn hơn 300MW, các dự án phong điện, đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 220KV.
 - + Đảm nhận hoàn toàn công tác tư vấn giám sát công trình thủy điện đến 300MW, đường dây tải điện đến cấp điện áp 110kv.
 - + Liên danh với các tư vấn mạnh trong nước như PECC1, PECC2, PECC3, Viện Năng lượng và tư vấn nước ngoài để đảm nhận công tác lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công các dự án thủy điện lớn hơn 1000MW, lập dự án đầu tư và TKKT các công trình Phong điện.
 - + Đảm nhận thực hiện công tác thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, lập tổng dự toán, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu EPC phần xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và công nghệ phụ các dự án nhà máy Nhiệt điện.
 - + Đảm nhận được thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công phần Sân Trạm, đường dây đấu nối, và toàn bộ phần thiết kế công trình BOP nhà máy nhiệt điện.
- Đến năm 2015 trở đi:
 - + Đảm nhận thực hiện công tác thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, lập tổng dự toán, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu EPC toàn bộ của các dự án nhà máy Nhiệt điện.
- ✚ **Đầu tư và phát triển**
 - Đầu tư, xây dựng được Trụ sở của Công ty góp phần ổn định địa điểm làm việc nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết giảm chi phí thuê văn phòng vốn chiếm tỷ trọng rất lớn trong chi phí sản xuất hàng năm của Công ty.

- Đầu tư cho con người: bằng cách đào tạo tại chỗ và cử đi đào tạo chuyên sâu của các lớp đào tạo của Tổng công ty và tập đoàn.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình hoạt động tài chính

1.1 Các chỉ tiêu cơ bản

⊕ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định: Việc ghi nhận và khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc:	10 - 20 năm
Máy móc - thiết bị:	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải:	7 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 - 5 năm

⊕ Thu nhập bình quân:

Thu nhập bình quân tháng của người lao động tại Công ty năm 2008 là 7,4 triệu đồng/người;

Thu nhập bình quân tháng của người lao động tại Công ty năm 2009 là 10,5 triệu đồng/người;

Kế hoạch năm 2010: 12 triệu đồng/người/tháng.

⊕ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Các khoản phải nộp được Công ty thực hiện theo đúng luật định.

⊕ Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản Thuế GTGT, và các khoản thuế, phí khác theo các quy định của Nhà nước.

Hiện tại Công ty vẫn trong thời hạn miễn thuế TNDN.

⊕ Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Năm 2008, do kinh doanh chưa có lãi nên công ty không thực hiện trích lập các quỹ. Năm 2009, công ty trích lập 11.008.775 đồng vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

4. Tình hình công nợ:

Về cơ bản trong năm 2010 tình hình công nợ của Công ty nằm trong khả năng kiểm soát. Năm tài chính 2010 Công ty không có khoản vay nợ tín dụng nào, tổng nợ phải trả của Công ty là 16,763 tỷ đồng chủ yếu là khoản tiền ứng trước của các công trình: Thiết kế kỹ thuật Dự án Thủy điện Ngòi Hút, Dự án Thủy điện Nậm Pàn 5 ... Do đặc thù của ngành tư vấn, công nợ phải trả của Công ty gồm chủ yếu là khoản tiền do chủ đầu tư ứng trước và các khoản chi phí phát sinh theo tiến độ của hợp đồng do đó các khoản phải trả này sẽ được quyết toán khi Công ty thực hiện nghiệm thu và thanh toán với chủ đầu tư.

Các khoản phải thu của Công ty chủ yếu là ứng trước cho các nhà thầu phụ và các khoản phải thu theo tiến độ thực hiện hợp đồng. Năm 2010 tổng các khoản phải thu là 22,400 tỷ đồng. Các khoản phải thu này cũng sẽ được quyết toán khi Công ty nghiệm thu và thanh toán với các nhà thầu phụ.

1.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 1: Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2010	31/12/2009
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,64	1,91
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,28	0,10
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	25,25	48,43
2.2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	33,80	93,93
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,15	3,88

3.2	Vòng quay khoản phải thu	Lần	4,19	1,96
3.3	Vòng quay khoản phải trả	Lần	0,98	0,99
3.4	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,77	0,86
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	5,20	1,30
4.2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,35	2,16
4.3	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	4,00	1,11
4.4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,75	1,30
4.5	Lợi nhuận gộp biên		0,22	0,20

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Trong năm 2010, chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty ở mức an toàn. Hệ số thanh toán là 1.91 lần cho thấy PVPower Engineering đang kiểm soát tốt khả năng thanh toán của mình.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Chỉ số nợ/tài sản trong 2 năm 2009 và 2010 của Công ty đều ở mức cao. Đặc biệt tỷ lệ nợ/Tổng tài sản của Công ty tăng cao trong năm 2010 do đặc thù của ngành nghề tư vấn, nợ phải trả của Công ty chủ yếu là khoản tiền khách hàng tạm ứng trước phục vụ cho việc thực hiện các hợp đồng đã ký nên khi tỷ lệ nợ/tổng tài sản cao cũng chứng tỏ Công ty đang phát triển tốt, chiếm được lòng tin của các đối tác. Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng cao do Công ty chưa thanh quyết toán với các nhà thầu phụ. Tỷ lệ này sẽ giảm xuống sau khi Công ty thực hiện quyết toán với chủ đầu tư và nhà thầu phụ.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty không có nhiều biến động lớn cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty tương đối ổn định qua các năm. Cụ thể là vòng quay hàng tồn kho đã tăng trong năm 2010, do đặc thù ngành

nghe tư vấn, hàng tồn kho của Công ty chính là các sản phẩm tư vấn dở dang nên vòng quay hàng tồn kho tăng lên chứng tỏ quá trình hợp tác với chủ đầu tư trong quá trình nghiệm thu thanh toán đã được cải thiện qua các năm. Chỉ số này cũng cho thấy tốc độ kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2010 là cao, doanh nghiệp đã tận dụng được tốt các chi phí cơ hội trong việc quản lý hàng tồn kho.

Trong năm 2010, hoạt động kinh doanh của công ty đã có tiến triển rõ rệt, thể hiện ở chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản đạt 0,6 lần. Do đặc thù Công ty, các khoản phải trả chủ yếu là khoản tiền chủ đầu tư ứng trước để thực hiện hợp đồng do đó vòng quay khoản phải trả năm 2010 tăng so với năm 2009 chứng tỏ uy tín của Công ty trước các đối tác đã được tăng lên và việc thanh quyết toán các công trình đã được thúc đẩy nhanh hơn so với năm 2009.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Lợi nhuận gộp biên năm 2009 và 2010 ổn định ở mức trên 20% chứng tỏ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những tiến triển tích cực hơn.

1.3 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

1	Cơ cấu tài sản			
1.1	Tổng tài sản	Tỷ VNĐ	23,375	34,609
	Tài sản dài hạn	Tỷ VNĐ	1,870	2,578
	Tài sản ngắn hạn	Tỷ VNĐ	21,504	32,031
	Tỷ lệ TS dài hạn/Tổng tài sản	%	8,0	7,5
	Tỷ lệ TS ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92,0	92,5
1.2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	17,845	17,471
1.3	Doanh thu và lợi nhuận	Tỷ VNĐ	23,375	34,609
	Doanh thu	Tỷ VNĐ	17,955	29,611
	Lợi nhuận	Tỷ VNĐ	934	385

So sánh giá trị tài sản trong năm 2010 và năm 2009 ta thấy giá trị tài sản năm 2010 đã tăng xấp xỉ 1,5 lần so với năm 2009 chủ yếu là do sự gia tăng của các khoản ứng trước cho nhà thầu phụ và các khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng. Điều này cho thấy Công ty đang tập trung các nguồn lực nhằm thực hiện đúng tiến độ các công trình đang thi công.

Vốn chủ sở hữu ổn định tương đối và tăng lên theo từng năm. Doanh thu năm 2010 tăng lên đáng kể so với năm 2009 là do sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty trong việc tìm kiếm việc làm, mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do việc mở rộng qui mô doanh nghiệp dẫn đến sự phát sinh tăng các khoản chi phí quản lý dẫn đến lợi nhuận không tăng theo doanh thu. Việc này sẽ được khắc phục trong các năm tiếp theo khi qui mô hoạt động của Công ty đã đi vào ổn định.

1.4 Những thay đổi về vốn góp:

TT	Chỉ tiêu	DVT	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
1	Đơn vị góp vốn				
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Tỷ VNĐ	10,200	10,200	10,200
2	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2	Tỷ VNĐ	3,739	3,739	3,739
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	Tỷ VNĐ	660	660	660
4	Các cổ đông khác	%		5,401	5,401

Cổ đông sáng lập của Công ty gồm có 03 đơn vị trong đó Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam có tỷ lệ vốn góp cao nhất (51% vốn điều lệ). Đây cũng là một lợi thế của Công ty trên thương trường vì thương hiệu Dầu khí Việt Nam là một thương hiệu mạnh và đã được khẳng định trong môi trường kinh doanh hiện nay. Từ cuối năm 2009 Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu cho các cổ đông khác là nhân viên của Công ty. Hiện nay vốn điều lệ của Công ty đang ở mức 20 tỷ đồng và công ty chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong những năm kế tiếp.

2 Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2010:

2.1 Tập trung nguồn lực giữ vững và mở rộng kinh doanh

Tăng cường năng lực thiết bị, công nghệ, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, chủ động mua sắm nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, các phần

mềm thiết kế phục vụ sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Chủ động xây dựng và phát triển nguồn nhân lực (cử đi đào tạo, khuyến khích cán bộ công nhân viên tự học ...) để bảo đảm chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, tay nghề, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới. Tích cực tìm kiếm lao động có tay nghề cao để phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh.

Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ các dự án đã trúng thầu.

2.2 Những công tác cải tiến về chính sách, quản lý:

- Phân định rõ trách nhiệm từng bộ phận, phòng ban, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Phân cấp, phân quyền cũng như giao trách nhiệm cao hơn nữa cho các trưởng bộ phận để nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong quản lý, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm lao động và hiệu quả công việc của CBCNV.

- Về công tác quản lý Công ty đã thực hiện việc nâng cấp và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong tất cả các khâu sản xuất, kinh doanh và thực hiện các biện pháp quản lý các hoạt động của Công ty;

- Hoàn thiện bộ máy: Tập trung xây dựng và củng cố lực lượng nhân sự, cơ chế hoạt động, quy trình, chính sách chuẩn chuyên nghiệp, v.v. sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới.

- Áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng, triển khai áp dụng chương trình phần mềm hoạch định tài nguyên doanh nghiệp vào công tác quản trị văn phòng Công ty, sử dụng tài sản công ty hợp lý.

2.3 Phát huy văn hóa và thương hiệu doanh nghiệp:

- Tiếp tục đề cao tinh thần đoàn kết, đồng thuận, tính kỉ luật, chủ động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm cá nhân.

- Đưa các hoạt động của doanh nghiệp dần đi vào chuyên nghiệp hơn: từ qui trình công việc, logo, ...

- Hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề để tiếp thu khoa học quản lí, nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm, phong cách làm việc, tiếp thu tư duy mới trong quản trị, điều hành doanh nghiệp.

2.4 Công tác nhân sự và đào tạo:

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên Công ty được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm.

Đảm bảo điều kiện làm việc chế độ lương theo quy chế tiền lương của HĐQT Công ty phê chuẩn và Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động ... theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Công tác tuyển dụng:** Với phương châm con người là yếu tố quyết định thành công của Công ty. Đầu tư con người là đầu tư cho sự phát triển bền vững.

+ Nâng cấp Quy trình tuyển dụng đảm bảo lựa chọn được những nhân tài có năng lực cao cho Công ty, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ tổng thể.

+ Công ty khuyến khích, hỗ trợ cán bộ nhân viên có nhu cầu, có năng lực đi học các lớp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

- **Chính sách nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực:** Công ty cũng tập trung nhiều vào chính sách phúc lợi, điều chỉnh qui chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty. Thực hiện việc khen thưởng nhằm tôn vinh những cá nhân có nhiều cống hiến, cam kết làm việc lâu dài và là những CBCNV tiềm năng của Công ty. Các CBCNV này được chú trọng đào tạo phát triển và được xem xét vào vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

- Tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động tương xứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh, đánh giá công bằng, khuyến khích cá nhân có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công việc.

- Công ty phối hợp với công đoàn Công ty chăm lo đời sống NLD. Thực hiện thăm hỏi NLD và thân nhân NLD, ngoài ra công ty thưởng các ngày lễ lớn 30/4, 1/5, 2/9 và dịp cuối năm (lương tháng 13; ...). Bên cạnh đó còn có các chế độ đãi ngộ khác như: nghỉ mát, du lịch, khám chữa bệnh

2.5 Công tác Tài chính kế toán:

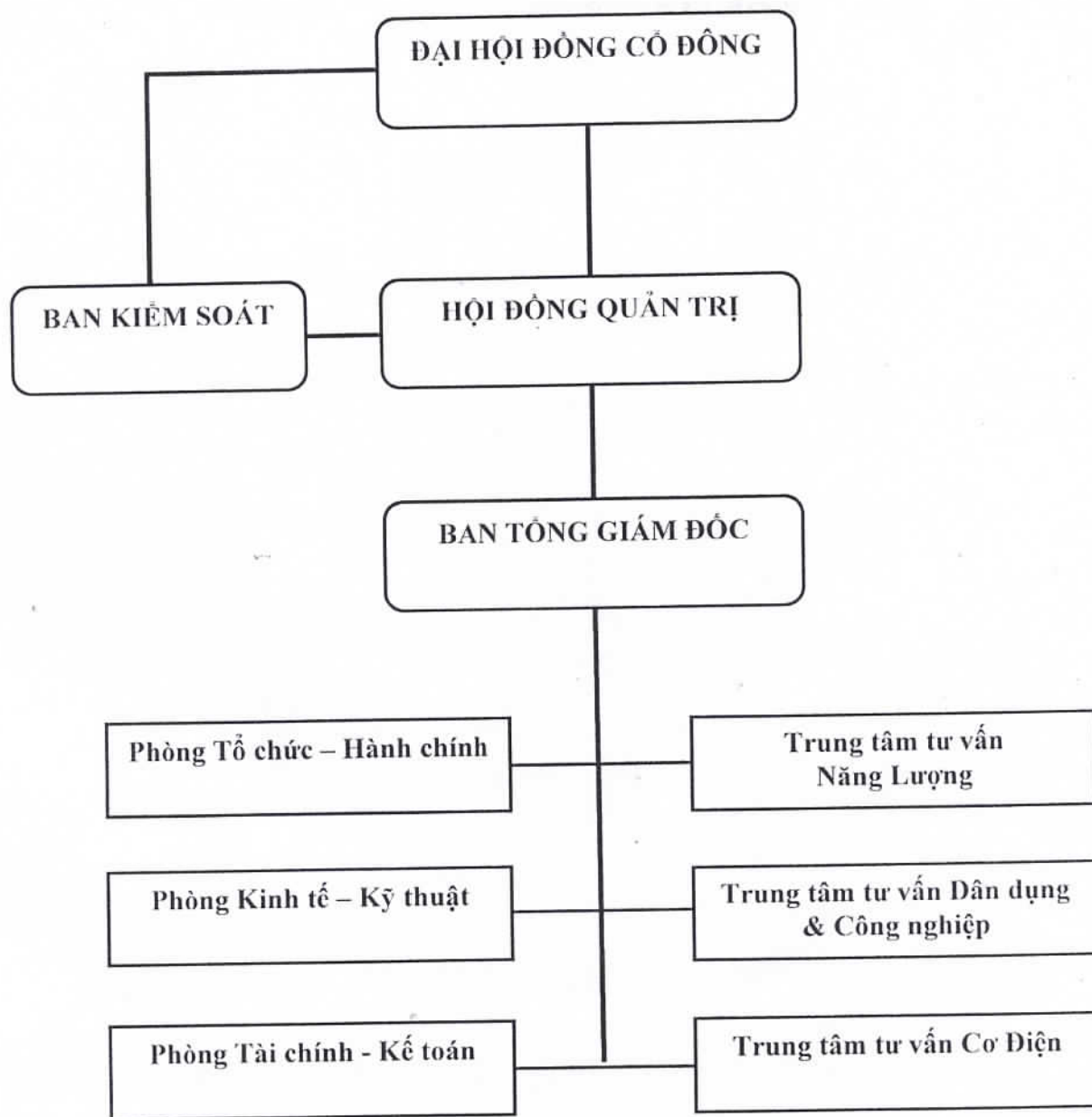
- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong quá trình đầu tư, thực hiện các dự án.

- Đảm bảo công tác tài chính kế toán được thực hiện minh bạch, đúng chế độ theo quy định của Nhà nước, hàng năm có tổ chức thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính....

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

IV TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức



2. Ban Tổng Giám đốc

Lý lịch và Quá trình công tác: Trình bày trong mục V

3. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động:

Số lượng CBCNV tính đến tháng 2/2011: 63 người

Trong đó:

- Thạc sỹ: 8
- Kỹ sư; Chuyên viên: 46
- Cán sự: 3
- CNKT: 6

Các chính sách về lao động - tiền lương đối với người lao động:

Chính sách đối với người lao động:

Ngay sau khi thành lập Công ty, PVPE đã nghiên cứu xây dựng quy chế và ban hành quy chế Tuyển dụng nhằm thu hút tuyển dụng và giữ được cán bộ có kinh nghiệm, chuyên môn giỏi, đảm bảo đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng (năng lực, kỹ năng ..) để cùng Công ty nâng cao năng lực tư vấn các dự án Công trình điện đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn cũng như kinh nghiệm.

Đối với đào tạo, ngoài việc tổ chức đào tạo tại chỗ, vừa học qua thực tế công việc, PVPE còn tạo mọi điều kiện thuận lợi, cần thiết để người lao động được tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn, Thạc sỹ, Tiến sỹ, ...nhằm không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ ..., năng lực cạnh tranh, thực hiện tốt chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng (ISO 9001: 2008) của Công ty.

Chính sách tiền lương:

Nhằm khuyến khích nâng cao hiệu quả lao động, hiệu suất của từng người, từng phòng chức năng, Trung tâm tư vấn Công ty, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ đề án, năm 2008 Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương áp dụng cho các đơn vị trong Công ty. Căn cứ vào quy định chung của quy chế này, mỗi đơn vị đã xây dựng quy chế trả lương (thưởng, năng suất) riêng cho phù hợp với đơn vị mình, nhằm động viên khuyến khích người lao động làm việc với năng suất và đạt chất lượng hiệu quả cao.

HỒ TÀI LIỆU

V THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 2: Danh sách thành viên chủ chốt PVPower Engineering

I	Hội đồng quản trị	
1	Lê Liệu	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Tuấn Ngọc	Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc
3	Nguyễn Tài Anh	Ủy viên HĐQT
4	Lê Quốc Hưng	Ủy viên HĐQT
5	Trần Anh Thái	Ủy viên HĐQT
II	Ban Kiểm soát	
1	Bùi Thị Hồng Vân	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thành Nam	Ủy viên BKS
3	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	Ủy viên BKS
III	Ban Tổng giám đốc	
1	Nguyễn Xuân Bài	Phó Tổng Giám đốc
2	Ngô Vũ An	Phó Tổng Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Nguyễn Văn Đám	Kế toán trưởng

(Nguồn: Công ty cung cấp)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Ông Lê Liệu- Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 07/05/1958

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diễn Hùng – Diễn Châu – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: A6B TT Khảo sát Thiết kế Điện - Thanh Xuân Nam – HN.
- Số CMND: 011700551 do Công an Hà Nội cấp ngày: 19/03/2009
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư; kỹ sư hệ thống điện
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/1981 – 6/1981	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Sỹ quan dự bị
1981 - 1982	Trung đoàn 32 Tổng cục Hậu cần	Thiết kế viên
1983 - 1984	Phân viện thiết kế lưới điện, Công ty TVTK Điện 1	Kỹ sư Phòng Xây dựng
1984 - 1985	Nhà máy nhiệt điện Đà Nẵng, Công ty TVXD Điện 1	Kỹ sư thiết kế
1985 - 1996	Công ty TVXD Điện 1	Kỹ sư Phòng thiết kế trạm biến áp
1996 - 1998	Công ty TVXD Điện 1	Phó trưởng ban QLDA
1999 - 2007	Công ty TVXD Điện 1	Phó trưởng phòng thiết kế trạm biến áp
8/2007 - 12/2007	TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng ĐTXD
1/2008 -	TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Ban ĐTXD

11/2008	Nam	
11/2008 - 6/2009	TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Ban phụ trách Ban XD
7/2009- 12/2009	TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban XD
1/2010 đến nay	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: 400.000 Cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.2 Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc

- Ngày sinh: 29/09/1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: 23 ngõ 125 Trung kính - Trung hòa - Cầu giấy
- Hà Nội
- Số CMND: 012194439 do Công an Hà Nội cấp ngày:
28/01/1999
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1982 – 06/1986	Phòng thiết kế Công ty XDCT Ngâm TCTXDTĐ Sông Đà	Tổ trưởng Tổ thiết kế
Từ 07/1986 – 12/1990	Công ty Khảo sát thiết kế Xây dựng Chuyên ngành – TCTXDTĐ Sông Đà	Giám đốc Xí nghiệp Thiết kế
Từ 01/1991 – 11/1993	Xí nghiệp XDĐTĐ Sêlabam	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ 12/1993 – 1998	– TCTXD Sông Đà	Phó phòng Kỹ thuật chất lượng
Từ 1998 – 04/2001	Tổng Công Ty XD Sông Đà	Phó phòng Dự án
Từ 05/2001 – 06/2005	Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà	Phó giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tuyên quang
Từ 06/2005 03/2006	Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà	UVBCH Đảng ủy – Phó Tổng giám đốc – Giám đốc Chi nhánh Tuyên Quang
Từ 04/2006 - 9/2007	Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà	Ủy viên thường vụ – Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng bộ- Phó Tổng Giám đốc
Từ 10/2007 - 12/2009	Công ty Cổ phần Tư vấn điện Lực dầu khí Việt Nam	Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
1/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Tư vấn điện Lực dầu khí Việt Nam	Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 50.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: 320.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - Vợ Hoàng Thị Hà sở hữu : 9.000 cổ phần
 - Chị gái Nguyễn Thị Liên sở hữu : 40.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.3 Ông Nguyễn Tài Anh - Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh: 01/10/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Yên Sơn – Đô Lương Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: : 781/A22 Lê Hồng Phong Phường 12 Quận 10 TP Hồ Chí Minh
- Số CMND: 023836171 do CA Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2008
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhà máy nhiệt điện và điện nguyên tử - ĐH Bách khoa Kiev (Liên xô cũ)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T9/1990– T03/1991	Đoàn thiết kế Hàm Thuận – Cty KSTK Điện 2	Kỹ sư thiết kế điện
T3/1991 - T03/1993	Phòng thiết kế lưới và nhà máy nhiệt điện – Cty KSTK Điện 2	Kỹ sư thiết kế điện
T4/1993 – T03/1996	Phòng thiết kế lưới và nhà máy	Tổ trưởng tổ thiết kế nhiệt

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	nhiệt điện – Cty KSTK Điện 2	điện
T4/1996 – T01/2004	Phòng thiết kế nhiệt điện – Cty KSTK Điện 2	Phó trưởng phòng
T2/2004 – 11/2007	Phòng thiết kế nhiệt điện – Công ty TVXD Điện 2	Trưởng phòng
11/2007-5/2009	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 2	Phó tổng giám đốc
T5/2009 - nay	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 2	Tổng Giám đốc
10/ 2007 - nay	Công ty CP Tư vấn Điện Lực Dầu khí VN	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 2.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan :
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2: 373.900 cổ phần
 - Những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.4 Ông Lê Quốc Hưng - Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh 14/11/1973
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán Lộc Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình

- Địa chỉ thường trú P. 401 nhà N13, Làng Quốc tế Thăng Long, đường Trần Đăng Ninh, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số CMND 194006417 do CA Quảng Bình cấp ngày 29/05/2000
- Trình độ văn hoá 12/12
- Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Kỹ thuật (Thủy điện - Thủy lợi)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ cao nhất đảm nhận
8/1996 – 6/2000	Công ty tư vấn Xây dựng Thủy Lợi Quảng Bình	Kỹ sư
7/2000 – 4/2002	Trường Đại học Roorkee, Ấn Độ	Nghiên cứu sinh, chuyên ngành thủy điện
5/2002 – 5/2007	Trung tâm Thủy điện - Viện Khoa học Thủy lợi Hà Nội	Chủ nhiệm dự án, trưởng tư vấn giám sát
06/2007 08/2007	Ban quản lý các Dự án Thủy điện - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
09/2007 10/2007	Ban chuẩn bị Phát triển doanh nghiệp - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
11/2007 – 7/2009	Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
7/2009 – nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban Xây dựng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng ban Xây dựng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
 - Sở hữu cá nhân 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện Tổng Công Ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: 300.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.5 Ông Trần Anh Thái - Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh 01/07/1964
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán Xã Quảng Hòa, Huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 131/T361, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- SỐ CMND 012750041 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 05/10/2004
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ cao nhất đảm nhận
1985 – 1987	Nhà máy điện Cầu Đở	Kỹ sư
1987 – 1990	Công ty Điện lực 3	Kỹ sư
1990 – 1995	Công ty Truyền tải điện 2	Trưởng phòng Kỹ thuật
1995 – 1996	Tổng công ty Điện lực Việt Nam	Chuyên viên

1996 - 2000	Tổng công ty Điện lực Việt Nam	Phó Ban Kỹ thuật lưới điện
2000 - 2004	Tổng công ty Điện lực Việt Nam	Trưởng Ban kỹ thuật lưới điện
2004 – 8/2005	Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia	Giám đốc
8/2005 – 10/2006	Công ty TNHH Hệ thống kỹ thuật ứng dụng – Applied Technical Systems Co., Ltd	Giám đốc tài chính
10/2006 đến nay	Công ty TNHH Hệ thống kỹ thuật ứng dụng – Applied Technical Systems Co., Ltd	Phó Tổng giám đốc
10/2006 – nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý Nguồn Điện Việt Nam	Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Phó Tổng giám đốc công ty TNHH hệ thống kỹ thuật ứng dụng Applied Technical Systems Co., Ltd

Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý Nguồn điện Việt Nam.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý Nguồn điện Việt Nam: 66.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

BAN KIỂM SOÁT

1.6 Bùi Thị Hồng Vân - Trưởng Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 05/08/1982
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tam Đồng – Mê Linh – Vĩnh phúc
- Địa chỉ thường trú: Phòng A301, nhà 11A, Khu tập thể Đại học Thủy lợi Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 135067620 do Công an Vĩnh Phúc cấp ngày 01/04/1999
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ cao nhất đảm nhận
8/2004- 6/2007	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Kiểm toán viên
7/2007 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Kế toán tổng hợp

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
 - Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần
 - Sở hữu đại diện Nhà nước: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.7 Ông Nguyễn Thành Nam – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày sinh: 30/05/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Lục Nam - Bắc Giang

- Địa chỉ thường trú: A19/96, Định Công, phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND: 013150011 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/11/2009
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ cao nhất đảm nhận
9/2000 – 3/2008	Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chuyên viên
3/2008 – 6/2009	Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trưởng phòng Kế hoạch
6/2009 – nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	Giám đốc kỹ thuật

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
 - Sở hữu cá nhân 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện Nhà nước 0 cổ phần
 - Những người có liên quan Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Không

1.8 Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa – Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 08/06/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây

- Địa chỉ thường trú: 613 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022676618 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/05/2007
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học – chuyên ngành QTKD
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ cao nhất đảm nhận
6/1998 – 2002	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Nhân viên kiểm toán nội bộ
2002 – nay	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Nhân viên phân tích kinh tế tài chính dự án
10/2007 đến nay	Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện Nhà nước 0 cổ phần
 - Những người có liên quan Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Không

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1.9 Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Tổng Giám đốc

Lý lịch trình bày tại mục 12.2

1.10 Ông Nguyễn Xuân Bài - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 01/01/1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Lam Sơn, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Thôn Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội
- Số CMND: 111149924 do Công an Hà Nội cấp ngày 06/09/2008
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ cao nhất đảm nhận
1984 – 1994	Công ty Tư vấn khảo sát thiết kế thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	Thiết kế
1994 – 1997	Chi nhánh thiết kế Hà Nội – Công ty tư vấn và khảo sát thiết kế Hà Nội – Công ty tư vấn và khảo sát thiết kế Sông Đà	Phó giám đốc chi nhánh thiết kế Hà Nội
1997 – 1999	Công ty tư vấn và khảo sát thiết kế Sông Đà	Trưởng đoàn thiết kế Hòa Bình
1999 – 2001	Chi nhánh thiết kế miền Nam – Công ty tư vấn và khảo sát thiết kế Sông Đà	Giám đốc chi nhánh
2001 – 5/2005	Trung tâm Tư vấn Xây dựng 2 – Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà	Phó giám đốc Trung tâm xây dựng 2
5/2005 – 5/2009	Công ty cổ phần xi măng Hạ Long	Phó Tổng giám đốc
5/2009 – nay	Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân 1.000 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện Nhà nước
 - Những người có liên quan
 - Vợ Trương Thị Thu Hương sở hữu: 24.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty Không

1.11 Ông Ngô Vũ An - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 04/10/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đống Đa, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: P.603 Chung cư CT1 – 181 Nguyễn Lương Bằng – Đống Đa – Hà Nội
- Số CMND: 011794347 do Công an Hà Nội cấp ngày 18/10/2007
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Chuyên ngành Xây dựng công trình trên sông – nhà máy thủy điện; Thạc sỹ kỹ thuật XDCT Thủy; Thạc sỹ QTKD
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ cao nhất đảm nhận
2001 – 2002	Công ty Liên doanh kỹ thuật nền móng và công trình (COFEC) – Hà Nội	Cán bộ Kỹ thuật

2002 – 11/2007	Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà - Tổng công ty Sông Đà	Chủ trì thiết kế, phó chủ nhiệm thiết kế, chủ nhiệm dự án
12/2007 – 4/2009	Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Quyền giám đốc Trung tâm tư vấn thủy điện Công ty
04/2009 09/2009	Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Giám đốc Trung tâm Tư vấn thủy điện Công ty
10/2009 – nay	Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc công ty kiêm Giám đốc Trung tâm Tư vấn thủy điện Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân 1.000 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện Nhà nước 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Vợ Bà Đào Ngọc Trâm sở hữu: 9.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

KẾ TOÁN TRƯỞNG

1.12 Ông Nguyễn Văn Dăm - Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 05/01/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Giao An – Giao Thủy – Nam Định

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 22/720 Phố La Thành - Giảng Võ -- Ba Đình - Hà Nội
- Số CMND: 013242111 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/11/2009
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ cao nhất đảm nhận
8/2000	Công trình Đường Quốc lộ 1A (Bắc Giang - Lạng Sơn) - Tổng công ty CTGT 8 thực hiện	Kế toán tổng hợp
2001	Công ty Tư vấn xây dựng Sông Đà	Kế toán tổng hợp
2002	Chi nhánh Công ty Tư vấn xây dựng Sông Đà tại Miền Trung thực hiện thi công công trình đường Hồ Chí Minh	Kế toán trưởng
2003 – 11/2004	Chi nhánh Công ty tư vấn Xây dựng Sông Đà tại Tuyên Quang	Kế toán trưởng
11/2004 11/2007	Ban quản lý Dự án Nâng cao năng lực của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA – ICCO)	Kế toán trưởng
11/2007 – 3/2009	Công ty cổ phần tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Kế toán tổng hợp
4/2009 – nay	Công ty cổ phần tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện Nhà nước 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty Không

VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH - Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2010

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Quyết minh	Số cuối kỳ này	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.031.072.699	21.504.913.235
	(100=110+120+130+140+150)				
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.632.984.573	1.629.226.062
	1. Tiền	111		1.632.984.573	1.629.226.062
	2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.680.647.057	5.000.000.000
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.680.647.057	5.000.000.000
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.401.197.887	7.869.386.135
	1. Phải thu khách hàng	131		2.738.247.185	2.409.642.502
	2. Trả trước cho người bán	132		6.911.225.725	5.211.680.000
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		12.670.961.113	-
	5. Các khoản phải thu khác	135		80.763.864	248.063.633
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		5.516.300.182	6.630.390.881
	1. Hàng tồn kho	141		5.516.300.182	6.630.390.881
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		799.943.000	375.910.157
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158		799.943.000	375.910.157
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.577.973.401	1.870.822.751
	(200 = 210+220+240+250+260)				
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
	3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
	4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

TÀI SẢN (tiếp theo)		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ này	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		2.374.189.852	1.093.802.351
	1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.340.689.850	1.037.969.017
	- Nguyên giá	222		3.915.459.678	1.955.482.059
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.574.769.828)	(917.513.042)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
	3. Tài sản cố định vô hình	227		33.500.002	55.833.334
	- Nguyên giá	228		67.000.000	67.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.499.998)	(11.166.666)
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
	1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
	3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
II.	Tài sản dài hạn khác	260		203.783.549	777.020.400
	1. Chi phí tìm kiếm, thăm dò	265		-	-
	2. Chi phí phát triển mỏ	266		-	-
	3. Chi phí trả trước dài hạn	261		203.783.549	125.246.900
	4. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
	5. Tài sản dài hạn khác	268		-	651.773.500
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		34.609.046.100	23.375.735.986
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ này	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ (310=310+330)	300		16.763.486.101	5.904.552.573
I.	Nợ ngắn hạn	310		16.763.486.101	5.904.552.573
	1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
	2. Phải trả người bán	312		3.497.262.409	-
	3. Người mua trả tiền trước	313		6.108.718.219	3.981.786.350
	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		341.449.691	297.991.244
	5. Phải trả người lao động	315		35.869.222	-

	6. Chi phí phải trả	316	6.700.499.668	1.541.594.452
	7. Phải trả nội bộ	317		25.437.000
	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	79.686.892	68.752.302
	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(11.008.775)
	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-
II.	Nợ dài hạn	330	-	-
	1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
	2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
	3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
	4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
	7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
	8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	17.845.559.999	17.471.183.413
I.	Vốn chủ sở hữu	410	17.845.559.999	17.471.183.413
	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20.000.000.000	20.000.000.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
	4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-
	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
	7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
	8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(2.154.440.001)	(2.528.816.587)
	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
	1. Nguồn kinh phí	432		
	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			
	1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440	34.609.046.100	23.375.735.986

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

1. Công bố trách nhiệm của ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính:

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và phản ứng trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010 bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập hteo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/10/2007; thay đổi đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 20/10/2008; thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 vào ngày 10/06/2009.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dùng năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. (Chỉ thiết kế trong phạm vi đã đăng ký kinh doanh); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; Tư vấn vận hành, bảo dưỡng và nâng cấp các nhà máy điện; Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM); Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình trên sông; Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; Thiết kế xây dựng công trình điện; Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Khảo sát, thiết kế công trình thủy

lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật lĩnh vực: Xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc, thiết kế qui hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kiểm định công trình xây dựng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 2, vốn điều lệ của Công ty là **20.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng).

Cổ đông sáng lập gồm:

Cổ đông sáng lập gồm:	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên - TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	51%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	3.739.000.000	18.7%
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	3.3%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2010: 385.385.361 VND

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau khi lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty

trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Lê Liệu	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Quốc Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Tài Anh	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Anh Thái	Ủy viên HĐQT

Thành viên Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Vũ An	Phó Tổng Giám đốc

Thành viên Ban kiểm soát:

Bà Bùi Thị Hồng Vân	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	Thành viên

2. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Kiểm toán viên Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2011

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ LIỆU

